

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN CÔNG TY
NĂM 2015

Nghệ An, ngày 19 tháng 03 năm 2015

Phụ lục số II

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

Năm 2014

I-Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4
- Giấy đăng ký kinh doanh số 2703000185 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:2900574674 do Sở Kế hoạch đầu tư cấp thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 7 năm 2012
- Vốn điều lệ: 10.280.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:10.280.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 197-Nguyễn Trường Tộ - T.P Vinh-Nghệ An
- Số điện thoại: 038 353 1065
- Số fax: 038 385 3433
- Website: :vneco4.com.vn
- Mã cổ phiếu: VE4

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 tiền thân là Xí nghiệp cơ điện thuộc Công ty xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam) được thành lập từ năm 1989.

- Năm 2003, thực hiện chính sách cổ phần hóa các doanh nghiệp của Nhà nước để phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, Xí nghiệp Cơ điện được chuyển thành Công ty CP xây lắp điện 3.4 theo Quyết định số 121/2003/QĐ-BCN ngày 11/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp là công ty thành viên thuộc Công ty xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam).

- Năm 2006, Công ty cổ phần xây lắp điện 3.4 được đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4.

- ❖ Hiện nay Công ty có biên chế đầy đủ các phòng, ban nghiệp vụ quản lý, các đội xây lắp điện, xưởng sản xuất công nghiệp và đội xe máy thi công. Công ty đã tuyển dụng và đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề có nhiều kinh nghiệm trong nghề xây lắp các công trình tải điện trên không có cấp điện áp đến 500kV và xây lắp các trạm biến áp có cấp điện áp đến 220kV. Công ty đã tham gia thi công xây lắp các công trình ĐD 500kV Bắc Nam mạch 1; mạch 2; ĐD 500kV Pleiku - Phú Lâm, ĐD 500kV Quảng Ninh - Thường Tín ; ĐD 500kV Sơn La - Hòa Bình - Nho Quan, ĐD 500kV Sơn La - Hiệp Hòa, ĐD 500kV Quảng Ninh-Hiệp Hòa, ĐD 500 kV Vĩnh Tân-Sông Mây, ĐD 500 kV Phú Mỹ-Sông Mây, ĐD 220 kV Tuyên Quang-Yên Bái; ĐD 220 kV Yên Bái- Lào Cai, ĐD 220 kV đầu nối Nhà máy thủy điện Bản Chát, ĐD 220 kV Thanh Hóa-Vinh, ĐD và TBA 110 kV Mường So-Lai Châu và hiện nay đang thi công xây lắp các công trình: ĐD 500kV Sơn La-Lai Châu, Nâng công suất trạm biến áp 220 kV Vinh; ĐD220kV Nhiệt điện Thái Bình –Trạm 220kV Thái Bình và mở rộng ngăn lộ tại Trạm 220 kV Thái Bình; ĐD 220 kV Bắc Cạn – Cao Bằng ; ĐD 220kV Vũng Áng – Ba Đồn – Đồng Hới và nhiều công trình điện trọng điểm khác trên mọi miền đất nước.

- ❖ - Từ vốn điều lệ ban đầu là 5,15 tỷ đồng, hiện nay Công ty đã nâng vốn điều lệ thành 10,28 tỷ đồng. Sản xuất kinh doanh của Công ty liên tục tăng trưởng qua từng năm về cả sản lượng, doanh thu và lợi nhuận.

Mặc dầu có sự cạnh tranh hết sức quyết liệt trên thị trường xây lắp điện, tuy nhiên Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 hoàn toàn có đủ năng lực và kinh nghiệm thi công để tham gia các công trình, dự án điện có cấp điện áp đến 500 kV và thực tế đã chứng minh được thương hiệu của mình trên thị trường xây dựng điện và đã được các Ban quản lý dự án các công trình điện và Tập đoàn điện lực Việt Nam đánh giá cao.

- Năm 2012, Công ty được được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số: 352/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội .

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Lắp đặt hệ thống điện;
- + Bán buôn vật liệu; Thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- + Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- + Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- + Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- + Gia công cơ khí;

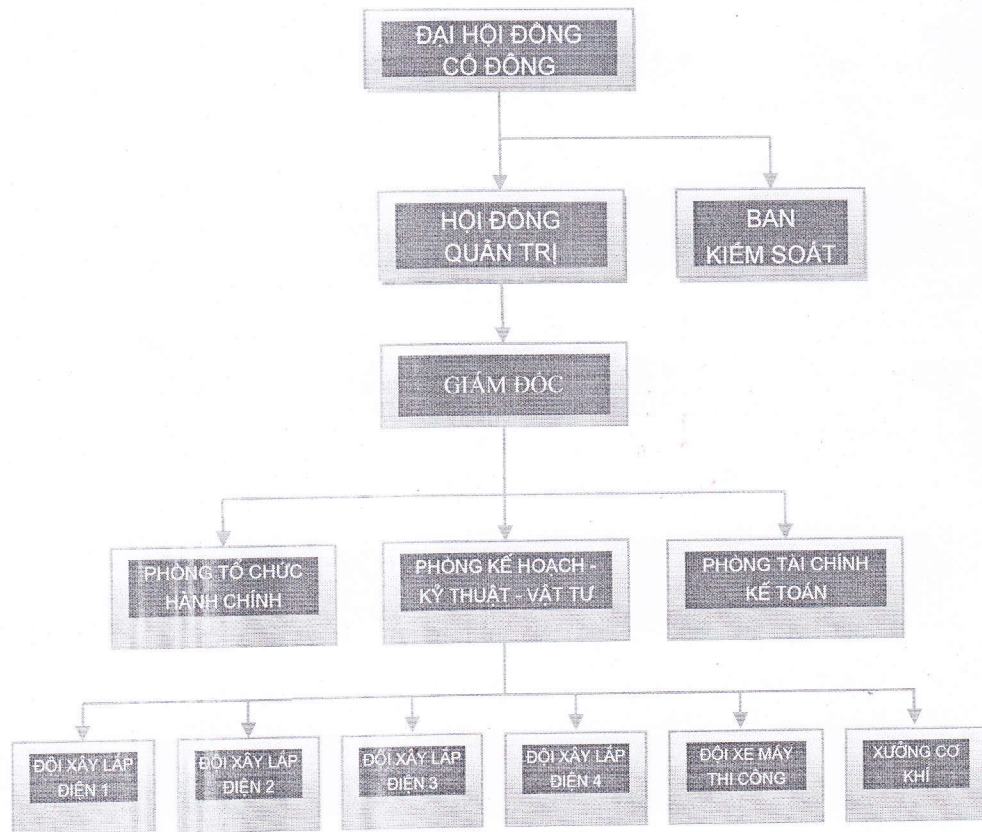
- Địa bàn kinh doanh: các địa phương trên cả nước, nhưng các năm qua hoạt động chủ yếu ở các tỉnh:

- + Tỉnh Nghệ An;
- + Tỉnh Hà Tĩnh;
- + Tỉnh Thanh Hoá;
- + Thành phố Hải Phòng;
- + Tỉnh Quảng Ninh;
- + Tỉnh Thái Bình;
- + Tỉnh Hà Giang;
- + Tỉnh Sơn La;
- + Tỉnh Lai Châu;
- + Tỉnh Phú Thọ.
- + Tỉnh Đồng Nai
- + Tỉnh Bình Thuận
- + T.P Hà Nội
- + Bà Rịa-Vũng Tàu
- + Tỉnh Cao Bằng
- + Tỉnh Bắc Cạn

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị và cơ cấu quản lý của Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



4.1- Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát... và các vấn đề quan trọng khác thuộc thẩm quyền.

4.2- Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra bao gồm 5 thành viên:

| | |
|--------------------|----------|
| Ông Trần Văn Huy | Chủ tịch |
| Ông Phan Huy Thành | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Văn Bốn | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Ngọc Ân | Ủy viên |
| Ông Lê Văn Huyền | Ủy viên |

4.3- Ban Giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và Phó Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và có trách nhiệm triển khai các chương trình hành động và các nghị quyết của HĐQT trong năm kế hoạch, đồng thời điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

Ông Phan Huy Thành - Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bốn - Phó Giám đốc

4.4- Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Công ty theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn, có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị. Cơ cấu Ban kiểm soát hiện tại như sau:

Ông Nguyễn Huy Toàn - Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Năng Đồng - Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Hà - Ủy viên

4.5- Các Phòng chức năng

*** Phòng Kế hoạch- Kỹ thuật- Vật tư**

Phòng Kế hoạch- Kỹ thuật- Vật tư là phòng chuyên môn tham mưu cho Giám đốc về các lĩnh vực công tác kế hoạch sản xuất - kinh doanh, tìm kiếm việc làm, công tác thị trường đầu thầu; thanh, quyết toán công trình; thống kê báo cáo theo quy định hiện hành; đền bù giải phóng mặt bằng trong thi công; quản lý kỹ thuật, kỹ thuật an toàn thi công xây lắp và sản xuất công nghiệp; quản lý vật tư, xe máy và dụng cụ thi công ... đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh chung của Công ty... và các công tác khác có liên quan.

*** Phòng tổ chức-hành chính:**

Phòng tổ chức - hành chính là phòng chuyên môn tham mưu cho Giám đốc về tổ chức nhân sự, lao động tiền lương, chế độ chính sách, BHXH, hành chính quản trị văn phòng, thanh tra bảo vệ, an ninh quốc phòng, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật và có các nhiệm vụ chủ yếu:

Chủ trì xây dựng phương án tổ chức bộ máy sản xuất - kinh doanh, bố trí nhân sự; quản lý hồ sơ, lý lịch, giải quyết thủ tục về chế độ tuyển dụng, thôi việc, bổ nhiệm, bãi nhiệm, chế độ hưu trí; kế hoạch chương trình đào tạo, tuyển dụng, bồi dưỡng nghiệp vụ, tay nghề; xây dựng quy chế phân phối quỹ lương và trả lương, quy chế khen thưởng, quy chế tuyển dụng, quy chế phân cấp, nội quy lao động; quản lý lao động, tiền lương của người lao động; công tác BHXH, BHYT, BHTN, BHTT; công tác quản trị văn phòng; công tác thanh tra bảo vệ. ... và các công tác khác có liên quan.

*** Phòng Tài chính - Kế toán:**

Phòng tài chính kế toán là phòng chuyên môn đầu mối giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực tài chính kế toán và có nhiệm vụ chủ yếu: quản lý, theo dõi và kiểm tra về thực hiện các chế độ về tài chính, kế toán và quản lý tài sản; lập kế hoạch tài chính hàng năm và kế hoạch vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và cơ cấu nguồn vốn cho các dự án, các công trình mà Công ty thi công, đề xuất phương án huy động vốn, tổng hợp chi phí sản xuất, phân tích hoạt động tài chính, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, trích lập các quỹ ... và các công tác khác có liên quan

*** Các đội xây lắp điện, xây dựng:**

Là thành viên của Công ty chuyên xây dựng, lắp đặt các công trình điện do Công ty giao; có nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch được Công ty giao và các nhiệm vụ được Công ty uỷ quyền nhằm đảm bảo tiến độ công trình, chất lượng và hiệu quả.

*** Xưởng cơ khí:**

Là thành viên của Công ty chuyên gia công, chế tạo các kết cấu thép, chế tạo, sửa chữa dụng cụ thi công, một số phụ kiện điện phục vụ thi công các công trình điện có nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch được Công ty giao và các nhiệm vụ được Công ty uỷ quyền nhằm đảm bảo sản phẩm cung cấp đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

5. Định hướng phát triển;

5.1- Mục tiêu chung của Công ty:

- + Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2014, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện một số cơ chế quản lý của Công ty phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới.
- + Duy trì và phát triển ngành nghề truyền thống về xây lắp đường dây và trạm. Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty trên lĩnh vực này.
- + Mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh đa ngành nghề. Trước hết hướng đến một số lĩnh vực trọng tâm là xây lắp giao thông, thủy lợi.

5.2- Phương hướng thực hiện:

- + Tập trung chỉ đạo điều hành SXKD, đặc biệt chỉ đạo thi công hoàn thành tiến độ và đảm bảo chất lượng các công trình năm trước thi công dở dang chuyển sang năm sau đồng thời triển khai thi công các công trình mới.

+ Đào tạo tuyển dụng lực lượng kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân có đủ trình độ, tâm huyết gắn bó với Công ty. Có chính sách ưu đãi thỏa đáng với các cá nhân có trình độ, nhiệt huyết. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên cống hiến một cách tốt nhất.

+ Đầu tư thêm một số trang thiết bị chuyên ngành nhằm đảm bảo chủ động trong sản xuất, thi công, phục vụ kinh doanh có hiệu quả, năng suất, chất lượng.

+ Tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức tín dụng để huy động nguồn vốn đáp ứng đủ cho sản xuất kinh doanh. Tích cực thu hồi vốn khi có khối lượng hoàn thành.

6. Các rủi ro:

** Rủi ro về kinh tế :*

Môi trường kinh tế khách quan với những yếu tố cơ bản của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tỷ giá hối đoái, lãi suất....sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong mọi ngành nghề. Là một Công ty hoạt động trong ngành xây lắp điện, Công ty xây lắp điện VNECO4 cũng chịu sự tác động đáng kể trước những biến động chung của nền kinh tế.

** Rủi ro từ biến động lãi suất*

Trong giai đoạn vừa qua, lãi suất đã có nhiều biến động với nhiều thay đổi của chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước. Những thay đổi này trong chừng mực nào đó đều có những ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của từng doanh nghiệp, đặc biệt về khía cạnh tài chính với nguồn vốn tài trợ cho hoạt động kinh doanh được vay ngân hàng. Điều này sẽ dẫn tới việc tăng lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp nói chung và tăng chi phí tài chính đầu vào cho Công ty nói riêng.

** Rủi ro từ biến động tỷ giá*

Với những đặc thù của ngành xây dựng nói chung và ngành xây lắp điện nói riêng, Công ty không thực hiện nhiều các giao dịch thương mại quốc tế, vì thế những biến động tỷ giá sẽ không ảnh hưởng lớn mang tính chi phối đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với những hợp đồng nhập khẩu một số nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, những biến động tỷ giá của Việt nam đồng cũng sẽ có những ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh của Công ty.

** Rủi ro thanh toán*

Trong hoạt động xây dựng, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần trong khi việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, trong quá trình hoạt động, Công ty cần nhiều vốn lưu động để duy trì hoạt động và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó nếu không có kế hoạch tài chính phù hợp thì Công ty sẽ đối mặt với tình trạng mất khả năng thanh toán.

** Rủi ro về nguồn nhân lực*

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là xây lắp đường dây và trạm, công việc có tính chất lưu động cao, khó khăn, vất vả, nguy hiểm. Vì thế lực lượng lao động có kỹ thuật xây lắp đường dây và trạm là một nhân tố quan trọng nhất của Công ty. Tuy nhiên lực lượng lao động có kinh nghiệm và đã qua đào tạo của Công ty luôn có nguy cơ bị thất thoát do phía các doanh nghiệp trong ngành và một số ngành nghề khác. Do đó bên cạnh những chế độ, chính sách đãi ngộ lao động hợp lý, Công ty cần có định hướng phát triển, đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo sự ổn định và phát triển trong tương lai.

** Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu*

Vật liệu xây dựng và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí xây dựng các công trình điện. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại sắt thép, giá cả của một số mặt hàng chủ yếu cũng như giá cả xăng, dầu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra, sự bất ổn định trong nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công của các công trình xây dựng điện của Công ty.

** Rủi ro bất khả kháng :*

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất, ...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo xảy ra trên quy mô lớn.

II- Tình hình hoạt động trong năm:

1- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014: (Số liệu đã được kiểm toán)

-Doanh thu : 31.590.268.201 đồng,

-Lợi nhuận sau thuế: 3.865.758.936 đồng,

(Chi tiết xem Báo cáo kết quả SXKD -phụ lục Mẫu B 02-DN kèm theo)

1.2-Tình hình thực hiện so với kế hoạch: (Số liệu đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2014 | Thực hiện năm 2014 | So sánh thực hiện/KH năm (%) |
|----------|------------------------|-------------|-------------------|--------------------|------------------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6=5/4</i> |
| 1 | Tổng giá trị sản lượng | Tr. đ | 120.000 | 87.000 | 0,73 |
| 2 | Doanh thu | Tr. đ | 35.000 | 32.000 | 0,91 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tr. đ | 1.250 | 3.866 | 3,09 |

2- Tổ chức và nhân sự của Công ty:

Danh sách Ban Giám đốc:

+ Giám đốc: Ông Phan Huy Thành

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 28/10/1955

Nơi sinh : xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

Số CMND : 186 519 496 cấp ngày 25/8/2006 tại tỉnh Nghệ An

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Khối 6 - Phường Bến Thủy -Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ an.

Điện thoại liên lạc : 038 3538019 / 0913 274210

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện - Cao cấp lý luận chính trị.

Quá trình công tác:

12/1972 - 7/1984: Nhập ngũ vào Quân đội ND Việt Nam;

8/1984 - 8/1986: Chuyển ngành;

9/1986 - 3/1991: Sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Thái Nguyên - Khoa Điện;

4/1991 - 2/2007: Công tác tại các đơn vị thành viên của Công ty xây lắp điện 3 (nay là Tổng công ty CP xây dựng điện Việt Nam) với các chức vụ lần lượt là: Cán bộ kỹ thuật, Đội trưởng Đội xây lắp điện, Phó Phòng, Trưởng Phòng kế hoạch - kỹ thuật, Phó Giám đốc Công ty.

2/2007 - 02/2010: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty CP xây dựng điện VNECO4.

3/2010 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty CP xây dựng điện VNECO4 - Tổng công ty CP xây dựng điện Việt Nam.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

Tổng số cổ phần nắm giữ: 264.351 cổ phần (Chiếm 25,72% vốn điều lệ thực góp)

Trong đó

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 24.486 cổ phần (Chiếm 2,38% vốn điều lệ thực góp)

Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 239.865 cổ phần (Chiếm 23,33% vốn điều lệ thực góp)

-Phó giám đốc: Ông Nguyễn Văn Bốn

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 06-07-1958

Nơi sinh : Mỹ Thịnh - Hưng Mỹ - Hưng Nguyên - Nghệ An

Số CMND : 181330570 cấp ngày 04/06/2009 tại tỉnh Nghệ An

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Hưng Mỹ - Huyện Hưng Nguyên - Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Phường Đông Vĩnh - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An

Điện thoại liên lạc : 0913275058

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn: Cao đẳng sư phạm kỹ thuật.

Quá trình công tác:

Từ năm 1982 đến 1986: Đi thực tập sinh tại Tiệp Khắc.

Từ tháng 11/1987 đến tháng 4/2008: Công tác tại Xí nghiệp cơ điện (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4) với các chức vụ lần lượt là: Công nhân, Quản đốc phân xưởng, Phó phòng, Trưởng Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư .

Từ tháng 05/2008 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4 - Tổng công ty CP xây dựng điện Việt Nam.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc

Tổng số cổ phần nắm giữ: 7.546 cổ phần (Chiếm 0,73% vốn điều lệ thực góp)

Trong đó:

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 7.546 cổ phần (Chiếm 0,73% vốn điều lệ thực góp)

Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Các thành viên quản lý khác:

-Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Thế Tam

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 25-11-1961

Nơi sinh : Xã Thanh Trường - Huyện Thanh Chương - Tỉnh Nghệ An

Số CMND : 186581332 cấp ngày 17/03/2005 tại tỉnh Nghệ An

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Thanh Trường - Huyện Thanh Chương - Tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Khối 6 - Phường Trường Thi - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An

Điện thoại liên lạc : 0383.853934

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

Từ tháng 02/1984 đến tháng 02/1987: Nhập ngũ vào quân đội.

Tháng 07/1987 đến tháng 07/1991: Sinh viên Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội.

Từ tháng 12/1991 đến tháng 3/2010: Công tác tại Công ty xây dựng thủy lợi 24 qua các chức vụ: cán bộ, Phó trưởng Phòng Tài chính Kế toán, Kế toán trưởng.

Từ tháng 12/2007 đến tháng 3/2010: Thành viên ban kiểm soát - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 24.

Từ tháng 04/2010 đến tháng 06/2010: Phó trưởng phòng, Phụ trách Phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.

Từ tháng 07/2010 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.

Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng

Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Trong đó

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Trưởng Phòng Kế hoạch-Kỹ thuật- vật tư: Ông Nguyễn Ngọc Ân

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh : 30-12-1966

Nơi sinh : Xã Sơn Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh

Số CMND : 182008780 cấp ngày 04/12/2006 tại tỉnh Nghệ An

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Sơn Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú : Khối Đại Lợi - Phường Đông Vĩnh -Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Điện thoại liên lạc : 0383 854495; 0912 132098

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ tháng 7/1986 đến 1990: Kỹ thuật xưởng cơ khí Xí nghiệp cơ điện - Công ty XL điện 3.

Từ năm 1990 - 2002: Nhân viên Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Từ năm 2003 - 2007: Thành viên Ban kiểm soát, Nhân viên Phòng Kinh tế - kế hoạch - Công ty CP Xây lắp điện 3.4 (Nay là Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO 4).

Từ tháng 02/2007 đến tháng 02/2010: Trưởng Ban kiểm soát, Phó Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO4.

Từ tháng 02/2010 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO4.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Phòng Kế hoạch Kỹ thuật -Vật tư.

Tổng số cổ phần nắm giữ: 8.582 cổ phần (Chiếm 0,83% vốn điều lệ thực góp)

Trong đó:

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 8.582 cổ phần (Chiếm 0,83% vốn điều lệ thực góp)

Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2014 Công ty đã đầu tư mua sắm phương tiện vận tải, máy móc thiết bị thi công và cải tạo sửa chữa Văn phòng làm việc với tổng giá trị:2.553.085.136 đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Tăng giảm % năm sau so với năm trước |
|-----------------------------------|----------------|----------------|--------------------------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 38.252.761.718 | 33.699.067.189 | -11,9 |
| Doanh thu thuần | 30.661.891.951 | 27.365.583.609 | -10,75 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 1.536.944.193 | 1.099.932.646 | -28,43 |
| Lợi nhuận khác | 180.286.031 | 3.795.923.378 | 2.005,5 |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.717.230.224 | 4.895.856.024 | 185,10 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 465.763.816 | 1.030.097.088 | 121,16 |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.251.446.408 | 3.865.758.936 | 208,90 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1,217 | 3,760 | |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Các chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Ghi chú |
|--|----------------|----------------|---------|
| 1- Cơ cấu tài sản | | | |
| - Tài sản dài hạn / Tổng tài sản | 0,13 | 0,21 | |
| - Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản | 0,87 | 0,79 | |
| 2- Cơ cấu nguồn vốn (Cơ cấu vốn) | | | |
| - Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn | 0,61 | 0,48 | |
| - Nợ phải trả / Tổng tài sản | 0,61 | 0,48 | |
| - Nguồn vốn CSH / Tổng nguồn vốn | 0,39 | 0,52 | |
| - Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu | 1,58 | 0,93 | |
| 3- Khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn: | 1,41 | 1,64 | |
| + TSLĐ / Nợ ngắn hạn | 1,41 | 1,64 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: | | | |
| (TSLĐ - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn | 1,40 | 1,61 | |
| 4- Tỷ suất lợi nhuận (TSLN) | | | |
| - TSLN sau thuế / Tổng tài sản | 0,03 | 0,04 | |
| - TSLN sau thuế / Doanh thu thuần | 0,03 | 0,04 | |
| - TSLN sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu | 0,08 | 0,22 | |
| 5- Những thay đổi về vốn cổ đông | | | |
| 6- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12 | 14.839.928.863 | 17.485.952.903 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành:

| | 31/12/2014 |
|---------------------------------|------------|
| | Cổ phần |
| Tổng số cổ phần | 1.028.000 |
| Trong đó | |
| + Cổ phần phổ thông | 1.028.000 |
| + Cổ phần chuyển nhượng tự do | 1.028.000 |
| + Cổ phần hạn chế chuyển nhượng | 0 |
| +Mệnh giá cổ phần | 10.000đ/CP |

- Cơ cấu cổ đông:

Bảng: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2014

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phần nắm giữ | Tổng giá trị (đồng) | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----------|---|------------------|--------------------|-----------------------|---------------|
| 1 | Trong nước | 153 | 10.048.000 | 10.048.000.000 | 97,74 |
| a. | Tổ chức | 1 | 562.602 | 5.626.020.000 | 54,73 |
| | <i>Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam</i> | <i>1</i> | <i>562.602</i> | <i>5.626.020.000</i> | <i>54,73</i> |
| b. | Cá nhân | 152 | 442.198 | 4.421.980.000 | 43,01 |
| | <i>Trong Công ty</i> | <i>36</i> | <i>172.096</i> | <i>1.720.960.000</i> | <i>16,74</i> |
| | <i>Ngoài Công ty</i> | <i>116</i> | <i>270.102</i> | <i>2.701.020.000</i> | <i>26,27</i> |
| 2 | Tổ chức Nước ngoài | 1 | 23.200 | 232.000.000 | 2,26 |
| | Tổng cộng | 154 | 1.028.000 | 10.280.000.000 | 100 |

b) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

III- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2014, Công ty tuy vẫn gặp nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD nhưng vẫn đảm bảo việc làm cho người lao động, doanh thu tuy chưa đạt chỉ tiêu nhưng lợi nhuận vẫn vượt kế hoạch, thu nhập của CBCNV và người lao động ở mức khá. Cụ thể: doanh thu đạt 32 tỷ đồng = 91% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 3,866 tỷ đồng bằng 300 % chỉ tiêu kế hoạch.

Năm 2014 doanh thu chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đặt ra, do yếu tố khách quan đó là: một số công trình có vướng mắc về mặt bằng, cột thép A cấp chậm và không đồng bộ nên chưa đủ điều kiện để nghiệm thu.

2- Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn

DVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm | | Tỷ Trọng % | | Chênh lệch | |
|-------------------------------|---------------|---------------|--------------|--------------|---------------|---------------|
| | 2013 | 2014 | 2013 | 2014 | Giá trị | % |
| TÀI SẢN | | | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 33.103 | 26.557 | 86,54 | 78,81 | -6,546 | -19,77 |
| I. Tiền | 1.591 | 1.308 | 4,16 | 3,88 | -283 | -19,77 |
| II. Các khoản đầu tư TCNH | 586 | 866 | 1,53 | 2,57 | 280 | 47,78 |
| III. Các khoản phải thu NH | 26.682 | 21.200 | 69,75 | 62,91 | -5,482 | -20,55 |
| IV. Hàng tồn kho | 211 | 372 | 0,55 | 1,10 | 161 | 76,3 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 4.033 | 2.811 | 10,54 | 8,34 | -1,222 | -30,3 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 5.149 | 7.142 | 12,88 | 20,32 | 1,993 | 38,71 |
| I. Tài sản cố định | 2.905 | 4.349 | 7,59 | 12,91 | 1,444 | 49,71 |
| II. Bất động sản đầu tư | | | | | | |
| III. Các khoản đầu tư TCDH | 2.021 | 2.500 | 5,28 | 7,42 | 479 | 23,70 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 223 | 293 | | | 70 | 31,39 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 38.252 | 33.699 | 100 | 100 | -4,553 | -11,9 |
| NGUỒN VỐN | | | | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 23.412 | 16.220 | 61,20 | 48,13 | -7,192 | -30,72 |
| I. Nợ ngắn hạn | 23.412 | 16.220 | 61,20 | 48,13 | -7,192 | -30,72 |
| II. Nợ dài hạn | | | | | | |
| B. NGUỒN VỐN CSH | 14.840 | 17.479 | 38,80 | 51,87 | 2,639 | 17,78 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 14.840 | 17.479 | 38,80 | 51,87 | 2,639 | 17,78 |
| II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | | | | | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 38.252 | 33.699 | 100 | 100 | -4,553 | -11,9 |

Thông qua bảng phân tích tình hình biến động tài sản và nguồn vốn trên ta có thể tách riêng ra để xem xét sự biến động của tài sản trên các khoản mục.

Tổng tài sản của công ty trong năm 2014 đã giảm xuống 4,553 tỷ đồng so với năm 2013, tương đương mức giảm xuống 11,9% . Để hiểu rõ hơn về sự thay đổi này chúng ta cần xem xét sự biến động của các khoản mục chính trong tài sản như sau:

Vào thời điểm năm 2014 tài sản ngắn hạn có giá trị là: 26,557 tỷ đồng năm 2013 là 33,103 tỷ đồng. tức là đã giảm xuống so với năm 2013. Điều này là do ảnh hưởng của các nguyên nhân sau:

Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2014 là 21,2 tỷ đồng so với năm 2013 là 26,683 tỷ đồng đã giảm xuống là 5,482 tỷ đồng tương đương 20,55%, chi tiết ở đây là các khoản phải thu khách hàng. Đây là điều thể hiện việc thanh toán Công ty có tích cực. Nhưng công ty cần phải thực hiện tốt hơn nữa công tác thu hồi công nợ ở một số chủ đầu tư, giảm ứ đọng vốn để tăng vòng quay vốn phục vụ SXKD có hiệu quả hơn. Tài sản ngắn hạn khác năm 2014 là 2,81 tỷ đồng so với năm 2013 là 4,003 tỷ đồng đã giảm so với năm 2013 là 1,222 tỷ đồng tương đương 30,3%, điều này chứng tỏ công ty rất tích cực thu hồi công nợ nhất là khoản nợ tạm ứng. Tuy nhiên Công ty cần tích cực hơn nữa trong công tác thu hồi các khoản nợ.

Hàng tồn kho năm 2014 là: 372 triệu đồng; năm 2013 là 211 triệu đồng tăng so với năm 2013 là 161 triệu đồng, tăng 76,30 %. Hàng tồn kho này bao gồm: công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Trong tổng giá trị hàng tồn kho chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chiếm tỷ trọng lớn (230,6 triệu đồng). Đây là kết quả tăng của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Năm 2014 trên cơ sở sản lượng thực hiện được Công ty tích cực nghiệm thu khối lượng, Tuy nhiên trong năm 2014 giá trị dở dang là: 230,6 triệu đồng; năm 2013 giá trị dở dang là: 77,7 triệu đồng, năm 2014 cao hơn năm 2013 là 152,90 triệu đồng (230,6 - 77,7). Ngoài giá trị dở dang năm 2014 cao hơn năm 2013 còn phải đánh giá đến việc sử dụng nguyên liệu, vật liệu có hiệu quả, cung ứng sát với nhu cầu sản xuất và được thể hiện: Năm 2014 tồn kho 85,20 triệu đồng, Năm 2013 tồn kho: 100,3 triệu đồng; năm 2014 tồn kho giảm so với năm 2013 là 42,1 triệu đồng (100,3-58,2).

Qua phân tích phần tài sản ngắn hạn cho thấy rằng: để đạt được hiệu quả sản xuất và lợi nhuận cao nhất cho công ty thì Công ty phải tích cực giảm bớt chi phí hàng tồn kho, tăng cường các biện pháp thu hồi công nợ,

Tình hình nợ phải trả:

Trong năm 2014 đã giảm 7,192 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ giảm là 30,72% so với năm 2013, với tỷ trọng trong tổng nguồn vốn là 48,13%, tức đã giảm so với năm 2013: 13,08% (61,21-48,13). Điều này cho thấy trong hoạt động SXKD công ty hầu như không chiếm dụng vốn của đối tác. Để đi sâu tìm hiểu chúng ta cần phân tích nguồn gốc của sự biến động.

$$\text{Nguồn vốn} = \text{Vay ngắn hạn} + \text{Nợ dài hạn đến hạn trả} + \text{Nợ dài hạn}$$

Theo công thức trên ta có được nguồn vốn tín dụng của công ty năm 2014 là = 1,737 tỷ đồng so với năm 2013 là 1,8 tỷ đồng. Với việc mở rộng sản xuất, thi công một số công trình trúng thầu và công trình đang dở dang như: ĐD 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa, ĐD 500 kV Vĩnh Tân-Sông Mây, ĐD 500 kV Phú Mỹ-Sông Mây, ĐD 220 kV Thanh Hóa-Vinh, ĐD 500kV Sơn La-Lai Châu, ĐD và TBA 110 kV Mường So-Lai Châu, ĐD 220 kV Vân Trì - Chèm, ĐD 220 kV Nhiệt điện Thái Bình, ĐD 220 kV Bà Rịa - Vũng Tàu, ĐD 220 kV Cao Bằng-Bắc Cạn v.v.. công ty không trang trải đủ thì việc vay vốn là tất yếu vì nó giúp cho công ty có đủ nguồn vốn cho việc mua nguyên vật liệu, trả các chi phí khác để đảm bảo đúng tiến độ thi công các công trình.

Nguồn vốn đi chiếm dụng

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Nguồn vốn} & \text{Phải trả} & \text{Người mua} & \text{Thuế} & \text{Phải trả} & \text{Phải trả} & \text{Chi phí} \\ \text{đi chiếm} & = & + & + & + & + & + \\ \text{dụng} & \text{cho} & \text{trả} & \text{và các khoản} & \text{người} & \text{ngắn} & \text{phải} \\ & \text{Người bán} & \text{tiền trước} & \text{phải nộp} & \text{Lao động} & \text{hạn} & \text{trả} \end{array}$$

3- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Về cơ cấu tổ chức: căn cứ tình hình và yêu cầu SXKD, trong các năm qua đã thành lập các Ban chỉ đạo thi công các công trình điện như ĐD 500 kV Quảng Ninh-Hiệp Hoà, ĐD 500kV Sơn La-Lai

Châu, ĐD và TBA 110 kV Mường So-Lai Châu, ĐD 220 kV Vân Trì – Chèm, ĐD 220 kV Nhiệt điện Thái Bình, ĐD 220 kVBà Rịa – Vũng Tàu.ĐD 220 kV Cao Bằng-Bắc Cạn .v.v..để đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, tổ chức, triển khai thi công các công trình xây dựng .

- + Tiếp tục xây dựng hoàn thiện các quy chế quản lý.
- + Coi trọng chính sách khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động, đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình bằng các hình thức tiền thưởng, ăn ca
- +Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho bộ phận quản lý, không ngừng nâng cao đào tạo tay nghề cho người lao động.

4- Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Tiếp tục phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, giải quyết đủ việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động, có lợi nhuận. Trước mắt hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2015. Cụ thể theo bảng sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Các chỉ tiêu chủ yếu | ĐVT | TH năm 2014 | KH năm 2015 | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|----|----------------------|-------|-------------|-------------|---------|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=5/4 | 7 |
| 1 | Giá trị sản lượng | Tr.đ | 86.846 | 120.000 | 138 | |
| 2 | Doanh thu | Tr. đ | 32.000 | 35.000 | 109 | |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đ | 3.866 | 2.500 | 65 | |

IV-Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2014, tuy nền kinh tế nước ta vẫn gặp nhiều khó khăn, trong đó có ngành xây dựng nhưng Công ty CP xây dựng điện VNECO4 vẫn hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, giải quyết có đầy đủ việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động, vượt mức kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban Giám đốc đã có rất nhiều cố gắng trong hoạt động quản lý điều hành, thực hiện tốt vai trò chức năng của mình để lãnh đạo công ty hoàn thành các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo để Công ty hoàn thành nhiệm vụ SXKD trong năm 2015 và các năm tiếp theo.
- Tích cực tìm kiếm việc làm để đảm bảo đủ việc làm cho người lao động, bảo đảm doanh thu và lợi nhuận.

V- Quản trị công ty:

1- Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết) và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số lượng CP nắm giữ | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|----|-----------------|---------------|---------------------|-----------|------------|
| 1 | Trần Văn Huy | Chủ tịch HĐQT | | | Không quản |

| | | | | | |
|---|----------------|---|--------|------|--------------|
| | | | | | lý điều hành |
| 2 | Phan Huy Thành | Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty | 24,486 | 2,38 | |
| 3 | Nguyễn Văn Bốn | Thành viên, HĐQT | 7.546 | 0,73 | |
| 4 | Nguyễn Ngọc Ân | Thành viên, HĐQT | 8.582 | 0,83 | |
| 5 | Lê Văn Huyền | Thành viên, HĐQT | 5.144 | 0,5 | |

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị: Trong năm HĐQT có 04 cuộc họp.
2. Cụ thể như sau:
 - + Cuộc họp thứ nhất: Ngày 17/04/2014 Bàn và thống nhất nội dung, chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 và thông qua một số nội dung chính trình Đại hội đồng cổ đông:
 - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 và kế hoạch sản xuất năm 2014.
 - Báo cáo Tài chính năm 2013 đã được Kiểm toán
 - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2013.
 - Báo cáo của HĐQT về công tác quản lý kinh doanh năm 2014.
 Và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
 - + Cuộc họp thứ 2: Ngày 25/04/2014 họp Hội đồng quản trị Bàn về việc vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, dùng tài sản của Công ty để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh.
 - + Cuộc họp thứ 3: Ngày 28/10/2014: Kiểm điểm, đánh giá tình hình SXKD, bàn một số nội dung cần thiết để đẩy mạnh công tác nhằm hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2014.
 - + Cuộc họp thứ 4: Ngày 05/12/2014:
 - Quyết định đầu tư mua 01 ô tô tải ben 02 cầu trọng tải 7,2 tấn FLD800B-4WD
 - Bàn về việc thế chấp tài sản để vay vốn Ngân hàng phục vụ SXKD.

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Hội đồng quản trị có 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành trực tiếp là ông Trần Văn Huy- Chủ tịch HĐQT. Năm qua, ông Trần Văn Huy đã thực hiện tốt quyền và trách nhiệm của một Chủ tịch HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2- Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần năm giữ (CP) | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------|----------------------------------|--------------|---------|
| 1 | Nguyễn Huy Toàn | Trưởng Ban | 2.500 | 0,24 | |
| 2 | Nguyễn Năng Đồng | Thành viên | 6.820 | 0,66 | |
| 3 | Nguyễn Thị Thúy Hà | Thành viên | 2.027 | 0,20 | |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham gia các buổi họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT, Ban Giám đốc
- Thẩm định Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính năm của Công ty. Phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót về kế toán, Báo cáo tài chính

- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý. Kiểm tra trình tự ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của điều lệ Công ty và Pháp luật.

- Đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng và năm; đồng thời kiến nghị với HĐQT Công ty một số giải pháp trong một số lĩnh vực quan trọng.

c) Các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 được tổ chức vào ngày 18/04/2014 đã phê chuẩn mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2013 là: 120.000.000 đồng/năm,

* Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích, chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý

| T T | Họ và tên | Chức vụ | Tiền lương | Thưởng | Thù lao | Cộng |
|--------|--------------------|---------------------------------------|---------------|-------------|-------------|---------------|
| 1 | Trần Văn Huy | Chủ tịch HĐQT | | | 24.000.000 | 24.000.000 |
| 2 | Phan Huy Thành | Ủy viên HĐQT- kiêm Giám đốc Cty | 230.000.000 | 38.533.000 | 18.000.000 | 287.245.829 |
| 3 | Nguyễn Văn Bốn | Ủy viên HĐQT- P.Giám đốc | 188.188.974 | 31.235.000 | 18.000.000 | 237.423.974 |
| 4 | Nguyễn Ngọc Ân | Ủy viên HĐQT | 135.441.130 | 24.360.000 | 18.000.000 | 177.801.130 |
| 5 | Lê Văn Huyền | Ủy viên HĐQT | 173.839.543 | 20.808.000 | 18.000.000 | 212.647.543 |
| 6 | Nguyễn Huy Toàn | Trưởng ban KS | 99.972.518 | 23.272.000 | 9.000.000 | 132.244.518 |
| 7 | Nguyễn Năng Đồng | Thành viên BKS | 96.718.322 | 11.667.000 | 6.000.000 | 114.385.322 |
| 8 | Nguyễn Thị Thúy Hà | Thành viên BKS | | | 6.000.000 | 6.000.000 |
| 9 | Nguyễn Thế Tam | Kế toán trưởng | 105.523.082 | 21.780.000 | | 127.303.082 |
| 10 | Trần Đức Việt | Tr.phòng TCHC | 100.994.316 | 23.510.000 | | 124.504.316 |
| | Tổng cộng | | 1.210.574.204 | 212.680.000 | 120.000.000 | 1.543.254.204 |

* Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

* Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm không phát sinh

* Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Năm qua HĐQT đã thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty trên cơ sở Luật pháp Nhà nước, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

3. Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát tại ngày chốt danh sách

Đơn vị tính: VNĐ

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phiếu sở hữu (cp) | Tỷ lệ % số CP sở hữu | Ghi chú |
|----|--------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------------|---------|
| 1 | Trần Văn Huy | Chủ tịch HĐQT | 0 | | |
| 2 | Phan Huy Thành | Ủy viên HĐQT-khiêm Giám đốc Cty | 24.486 | 2,38 | |
| 3 | Nguyễn Văn Bốn | Ủy viên HĐQT-P.Giám đốc | 7.546 | 0,73 | |
| 4 | Nguyễn Ngọc Ân | Ủy viên HĐQT | 8.582 | 0,83 | |
| 5 | Lê Văn Huyền | Ủy viên HĐQT | 5.144 | 0,5 | |
| 6 | Nguyễn Huy Toàn | Trưởng ban KS | 2.500 | 0,24 | |
| 7 | Nguyễn Năng Đồng | Thành viên BKS | 6.820 | 0,66 | |
| 8 | Nguyễn Thị Thúy Hà | Thành viên BKS | 2.027 | 0,20 | |

VI- Báo cáo tài chính:

Số: 26/2015 /2015/BCKT-UHY ACA MT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 / 03 /2015, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc

Kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 05/3/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 100 | TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 26.557.170.849 | 33.102.903.390 |
| 110 | Tiền và các khoản tương đương tiền | V.1 | 1.307.598.574 | 1.591.153.291 |
| 111 | Tiền | | 1.307.598.574 | 591.153.291 |
| 112 | Các khoản tương đương tiền | | - | 1.000.000.000 |
| 120 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | V.2 | 866.411.852 | 586.216.400 |
| 121 | Đầu tư ngắn hạn | | 1.774.152.606 | 1.774.152.606 |
| 129 | Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | | (907.740.754) | (1.187.936.206) |
| 130 | Các khoản phải thu ngắn hạn | | 21.200.114.906 | 26.682.061.755 |
| 131 | Phải thu khách hàng | V.3 | 20.220.042.309 | 25.678.909.723 |
| 132 | Trả trước cho người bán | | 345.599.790 | - |
| 135 | Các khoản phải thu khác | V.4 | 1.438.491.496 | 1.104.555.952 |
| 139 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | V.5 | (804.018.689) | (101.403.920) |
| 140 | Hàng tồn kho | V.6 | 372.371.534 | 210.498.099 |
| 141 | Hàng tồn kho | | 372.371.534 | 210.498.099 |
| 149 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | - | - |
| 150 | Tài sản ngắn hạn khác | | 2.810.673.983 | 4.032.973.845 |
| 151 | Chi phí trả trước ngắn hạn | | 32.055.584 | 19.155.644 |
| 154 | Thuế và các khoản phải thu nhà nước | | 28.973.844 | 31.018.016 |
| 158 | Tài sản ngắn hạn khác | V.7 | 2.749.644.555 | 3.982.800.185 |
| 200 | TÀI SẢN DÀI HẠN | | 7.141.896.340 | 5.149.858.328 |
| 220 | Tài sản cố định | | 4.348.946.506 | 2.905.332.385 |
| 221 | Tài sản cố định hữu hình | V.8 | 4.348.946.506 | 2.305.332.385 |
| 222 | Nguyên giá | | 10.708.853.306 | 8.155.768.170 |
| 223 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (6.359.906.800) | (5.850.435.785) |
| 230 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | - | 600.000.000 |
| 250 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | V.9 | 2.500.000.000 | 2.021.250.000 |
| 258 | Đầu tư dài hạn khác | | 2.500.000.000 | 2.500.000.000 |
| 259 | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | | - | (478.750.000) |
| 260 | Tài sản dài hạn khác | | 292.949.834 | 223.275.943 |
| 261 | Chi phí trả trước dài hạn | V.10 | 292.949.834 | 223.275.943 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 33.699.067.189 | 38.252.761.718 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 201

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 300 | NỢ PHẢI TRẢ | | 16.213.114.286 | 23.412.832.855 |
| 310 | Nợ ngắn hạn | | 16.213.114.286 | 23.412.832.855 |
| 311 | Vay và nợ ngắn hạn | V.11 | 1.737.000.000 | 1.800.000.000 |
| 312 | Phải trả người bán | | 608.056.479 | 3.558.940.704 |
| 313 | Người mua trả tiền trước | | 90.473.603 | 53.449.989 |
| 314 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | V.12 | 1.343.862.072 | 1.225.894.139 |
| 315 | Phải trả người lao động | | 7.549.641.340 | 9.729.427.485 |
| 316 | Chi phí phải trả | V.13 | 672.844.301 | 453.968.000 |
| 319 | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | V.14 | 1.259.089.611 | 571.208.626 |
| 320 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | V.15 | 2.554.294.441 | 5.741.224.880 |
| 323 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 397.852.439 | 278.719.032 |
| 400 | VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 17.485.952.903 | 14.839.928.863 |
| 410 | Vốn chủ sở hữu | V.16 | 17.485.952.903 | 14.839.928.863 |
| 411 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 10.280.000.000 | 10.280.000.000 |
| 417 | Quỹ đầu tư phát triển | | 2.828.754.870 | 2.828.754.870 |
| 418 | Quỹ dự phòng tài chính | | 456.777.301 | 431.747.973 |
| 419 | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | 47.959.612 | 47.959.612 |
| 420 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 3.872.461.120 | 1.251.466.408 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 33.699.067.189 | 38.252.761.718 |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|----------------|----------------|
| 01 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.1 | 27.365.583.609 | 30.661.891.951 |
| 02 | Các khoản giảm trừ doanh thu | VI.1 | - | - |
| 10 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.1 | 27.365.583.609 | 30.661.891.951 |
| 11 | Giá vốn hàng bán | VI.2 | 21.702.992.065 | 26.016.604.019 |
| 20 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 5.662.591.544 | 4.645.287.932 |
| 21 | Doanh thu hoạt động tài chính | VI.3 | 299.692.282 | 58.280.995 |
| 22 | Chi phí tài chính | VI.4 | (647.460.830) | (937.481.853) |
| 23 | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | | 59.716.444 | - |
| 24 | Chi phí bán hàng | | - | - |
| 25 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | VI.5 | 5.509.812.010 | 4.104.106.587 |
| 30 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 1.099.932.646 | 1.536.944.193 |
| 31 | Thu nhập khác | VI.6 | 3.924.992.310 | 351.350.436 |
| 32 | Chi phí khác | | 129.068.932 | 171.064.405 |
| 40 | Lợi nhuận khác | | 3.795.923.378 | 180.286.031 |
| 50 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 4.895.856.024 | 1.717.230.224 |
| 51 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | VI.7 | 1.023.394.904 | 465.763.816 |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 3.872.461.120 | 1.251.466.408 |
| 70 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | VI.8 | 3.767 | 1.217 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|------------------------|----------------------|
| | I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | |
| 01 | 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 35.390.366.000 | 37.027.905.302 |
| 02 | 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ | (17.169.660.514) | (11.506.164.722) |
| 03 | 3. Tiền chi trả cho người lao động | (18.207.683.473) | (10.892.284.375) |
| 04 | 4. Tiền chi trả lãi vay | (111.484.622) | (22.775.147) |
| 05 | 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | (610.491.006) | (910.261.241) |
| 06 | 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 7.167.762.391 | 3.039.474.027 |
| 07 | 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | (4.041.962.539) | (16.431.884.994) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 2.416.846.237 | 304.008.850 |
| | II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | (1.909.093.236) | (13.232.727) |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 299.692.282 | 58.280.995 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | (1.609.400.954) | 45.048.268 |
| | III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | |
| 33 | 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 2.159.400.000 | 3.100.000.000 |
| 34 | 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | (2.222.400.000) | (2.752.801.612) |
| 36 | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | (1.028.000.000) | (805.396.280) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | (1.091.000.000) | (458.197.892) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40) | (283.554.717) | (109.140.774) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 1.591.153.291 | 1.700.294.065 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | - | - |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61) | 1.307.598.574 | 1.591.153.291 |

Nghệ an, ngày 19 tháng 03 năm 2015
Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty *Ums*

Nơi nhận:

- UBCKNN
- Sở GD&ĐT
- Lưu HĐQT VNECO4



Phan Huy Thành